

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Trọng Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên
Ông Phạm Tô Văn	Thành viên
Ông Đoàn Trúc Lâm	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Trọng Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Đình Chí	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Trọng Hữu
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Số. /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính dầu khí, giá trị khoản dự phòng cần trích lập ước tính tại ngày 31/12/2008 là 12.360.015.655 VNĐ. Giá trị của khoản dự phòng cần phải ghi nhận có thể thay đổi trọng yếu khi Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Dầu khí hoàn thành báo cáo tài chính theo luật định. Tại ngày báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định giá trị khoản dự phòng trình bày ở trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ (Tiếp theo)

Ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009

Hoàng Lan Hương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0898/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN BẮCLầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		510,442,755,284	554,867,727,494
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	173,138,817,308	222,680,427,935
1. Tiền	111		24,904,686,147	62,680,427,935
2. Các khoản tương đương tiền	112		148,234,131,161	160,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		77,200,000,000	79,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	77,200,000,000	79,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203,404,080,942	175,250,796,464
1. Phải thu của khách hàng	131		158,252,557,856	148,847,785,190
2. Trả trước cho người bán	132		28,771,646,286	8,775,348,435
3. Các khoản phải thu khác	135	6	18,453,711,884	21,819,450,274
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,073,835,084)	(4,191,787,435)
IV. Hàng tồn kho	140		34,484,873,181	22,504,676,361
1. Hàng tồn kho	141	7	34,484,873,181	22,504,676,361
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,214,983,853	54,931,826,734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		589,285,091	712,883,700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,518,214,936	7,792,053,182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,483,100,500	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	7,624,383,326	46,426,889,852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		304,699,454,577	225,802,307,302
I. Tài sản cố định	220		73,000,191,194	26,749,806,209
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	16,707,076,322	19,060,896,245
- Nguyên giá	222		67,119,955,630	61,944,940,462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50,412,879,308)	(42,884,044,217)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	192,267,198	294,837,413
- Nguyên giá	228		483,736,370	496,416,370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(291,469,172)	(201,578,957)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	56,100,847,674	7,394,072,551
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		111,198,924,800	92,749,596,800
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	111,198,924,800	92,749,596,800
III. Tài sản dài hạn khác	260		120,500,338,583	106,302,904,293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	118,414,381,601	105,004,882,108
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		80,336,406	57,943,335
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,005,620,576	1,240,078,850
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		815,142,209,861	780,670,034,796

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN BẮCLầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		520,335,667,582	637,423,439,052
I. Nợ ngắn hạn	310		229,264,326,809	442,615,439,162
1. Phải trả cho người bán	312		203,754,460,200	311,642,186,252
2. Người mua trả tiền trước	313		460,058,228	110,344,637
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	844,465,998	1,582,474,542
4. Phải trả người lao động	315		979,994,055	4,501,637,621
5. Chi phí phải trả	316		1,835,125,050	47,802,000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	21,390,223,278	124,730,994,110
II. Nợ dài hạn	330		291,071,340,773	194,807,999,890
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	47,675,799,415	44,449,820,104
2. Vay dài hạn	334	18	243,000,000,000	150,000,000,000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		395,541,358	358,179,786
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		294,806,542,279	143,246,595,744
I. Vốn chủ sở hữu	410		294,806,542,279	141,755,077,310
1. Vốn điều lệ	411	19	266,170,000,000	135,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,717,060,000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		412,309,852	412,309,852
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		412,309,852	412,309,852
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8,094,862,575	5,930,457,606
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	1,491,518,434
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	1,491,518,434
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		815,142,209,861	780,670,034,796

Trần Trọng Hữu
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
1. Doanh thu bán hàng	01	20	1,294,065,702,875	560,523,267,158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		34,327,273	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		1,294,031,375,602	560,523,267,158
4. Giá vốn hàng bán	11		1,231,927,521,050	519,523,519,205
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		62,103,854,552	40,999,747,953
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	47,515,983,121	14,134,253,679
7. Chi phí tài chính	22		11,995,884,985	109,898,695
Trong đó: Chi phí lãi vay			1,222,175,000	-
8. Chi phí bán hàng	24		71,740,936,016	35,036,250,447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,499,067,989	10,379,255,715
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		8,383,948,683	9,608,596,775
11. Thu nhập khác	31		2,810,770,913	7,339,886
12. Chi phí khác	32		2,305,033,336	77,874,613
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40=31-32)	40		505,737,577	(70,534,727)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,889,686,260	9,538,062,048
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,084,260,298	1,291,865,013
16. Lợi nhuận thuần sau thuế	60		7,805,425,962	8,246,197,035
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	444	611

Trần Trọng Hữu
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007	
		2008	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8,889,686,260	9,538,062,048
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	02	19,709,986,945	3,311,779,908
Các khoản dự phòng	03	(2,080,590,779)	622,634,673
Lãi hoạt động đầu tư	05	(46,647,884,218)	(8,757,716,467)
3. (Lỗ)/ Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(20,128,801,792)	4,714,760,162
(Tăng) các khoản phải thu	09	(15,322,230,896)	(66,998,367,243)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(11,980,196,820)	(5,089,258,066)
(Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(103,795,573,885)	6,860,546,472
Giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	32,835,362,881	49,541,560,890
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,979,058,675)	-
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(96,692,339,488)	(952,044,454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(220,062,838,675)	(11,922,802,239)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(87,525,194,729)	(31,825,361,325)
2. Đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(23,449,328,000)	(93,804,817,798)
3. Lãi hoạt động đầu tư nhận được	27	42,782,872,777	7,329,128,087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(68,191,649,952)	(118,301,051,036)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Nhận vốn góp	31	150,887,060,000	-
2. Vay dài hạn nhận được	33	93,000,000,000	-
3. Cổ tức trả cho cổ đông	36	(5,174,182,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	238,712,878,000	-
(Giảm) tiền thuần trong năm	50	(49,541,610,627)	(130,223,853,275)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	222,680,427,935	352,904,281,210
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	173,138,817,308	222,680,427,935

Vốn điều lệ của cổ đông trong kỳ từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 được chuyển từ nguồn thu từ bán cổ phần thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 135 tỷ VNĐ. Do đó, một khoản tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm/ tăng các khoản phải trả.

Trần Trọng Hữu
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2009

Phạm Thị Diệu Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, trước đây là Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc, được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103018088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 6 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 7 tháng 1 năm 2009.

Công ty Mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam, nắm giữ 73,75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 248 (2007: 206).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm khí;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện kho bãi, trạm chiết nạp khí hóa lỏng;
- Dịch vụ vận tải khí hóa lỏng;
- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Đào tạo lao động kỹ thuật ngành gas (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; và
- Đại lý, mua bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty và các công ty con.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa các công ty con trong Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 – 22
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 9
Phương tiện vận tải	6 – 12
Tài sản khác	4 – 7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình liên quan đến phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác mà Công ty không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước cho giá trị bình gas đã đưa vào sử dụng và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị bình gas đưa vào sử dụng được phân bổ trong 10 năm. Nguyên giá bình gas mua vào bao gồm chi phí mua bình gas và các chi phí liên quan khác để bình gas ở trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Tiền nhận được từ ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ vào thu nhập theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận được phân phối theo quyết định của Đại hội Cổ đông và phù hợp với quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ vào phần lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo. Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế này không được ghi nhận do không tình không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	1,734,708,540	4,302,214,607
Tiền gửi ngân hàng	23,169,977,607	58,378,213,328
Các khoản tương đương tiền	148,234,131,161	160,000,000,000
	173,138,817,308	222,680,427,935

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	17,200,000,000	15,000,000,000
Ngân hàng Dầu khí toàn cầu	-	20,000,000,000
Ngân hàng Cổ phần các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	-	30,000,000,000
Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	7,500,000,000
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (*)	60,000,000,000	7,000,000,000
	77,200,000,000	79,500,000,000

(*) Khoản ủy thác đầu tư không chỉ định mục đích cho Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam với lãi suất cố định 13%/năm, đáo hạn vào ngày 6 tháng 5 năm 2009.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi và đầu tư khác dự thu	6,824,154,147	8,578,063,512
Cổ tức dự thu - Công ty CP Phân phối khí thấp áp	9,900,000,000	4,950,000,000
Cổ tức dự thu - Công ty CP Gas Đô thị	688,500,000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	-	7,104,825,067
Khác	1,041,057,737	1,186,561,695
	18,453,711,884	21,819,450,274

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	561,934,903	249,910,596
Công cụ, dụng cụ	20,543,850,250	-
Hàng hóa	13,379,088,028	22,254,765,765
	34,484,873,181	22,504,676,361

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỒNG MIỀN BẮCLầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ký quỹ mở thư tín dụng nhập khẩu	6,849,095,412	46,398,698,185
Khác	775,287,914	28,191,667
	7,624,383,326	46,426,889,852

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2008	48,921,557,172	976,198,250	1,924,273,850	9,057,178,304	1,065,732,886	61,944,940,462
Mua mới trong năm	-	231,970,517	163,757,097	-	-	395,727,614
XDCB hoàn thành	4,829,711,239	-	-	-	-	4,829,711,239
Thanh lý	-	-	(50,423,685)	-	-	(50,423,685)
Tại ngày 31/12/2008	53,751,268,411	1,208,168,767	2,037,607,262	9,057,178,304	1,065,732,886	67,119,955,630
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2008	38,217,412,874	47,770,314	592,984,094	3,559,036,671	466,840,264	42,884,044,217
Trích trong năm	5,706,527,097	305,331,051	325,969,248	1,094,251,388	127,600,798	7,559,679,582
Thanh lý	-	-	(30,844,491)	-	-	(30,844,491)
Tại ngày 31/12/2008	43,923,939,971	353,101,365	888,108,851	4,653,288,059	594,441,062	50,412,879,308
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	9,827,328,440	855,067,402	1,149,498,411	4,403,890,245	471,291,824	16,707,076,322
Tại ngày 31/12/2007	10,704,144,298	928,427,936	1,331,289,756	5,498,141,633	598,892,622	19,060,896,245

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Số dư đầu năm	7,394,072,551	567,307,386
Tăng	53,536,486,362	7,464,720,273
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4,829,711,239)	(637,955,108)
Số dư cuối năm	56,100,847,674	7,394,072,551
Trong đó		
- Công trình Xây dựng kho Đình Vũ	53,050,511,047	1,840,324,452
- Công trình Tổng kho LPG Bắc Trung Bộ	1,462,296,774	-
- Công trình khác	1,588,039,853	1,605,374,044
- Công trình Trạm nạp LPG Đà Nẵng	-	3,948,374,055

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	Hà Nội	100	100	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Nam Định	Nam Định	100	100	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	Đà Nẵng	100	100	Kinh doanh khí hóa lỏng

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Ủy thác đầu tư	-	5,000,000,000
Góp vốn Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp	49,500,000,000	49,500,000,000
Góp vốn Công ty Cổ phần Xăng dầu khí Vũng Áng	10,000,000,000	5,000,000,000
Góp vốn Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính dầu khí	25,000,000,000	25,000,000,000
Góp vốn Công ty Gas đô thị	25,500,000,000	3,300,000,000
Góp vốn Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Dương	-	4,500,000,000
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Hóa dầu Quân đội	1,198,924,800	449,596,800
	111,198,924,800	92,749,596,800

Công ty đang sở hữu 250.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính dầu khí với số tiền 25 tỷ VNĐ, tương đương với 5% vốn góp. Theo báo cáo tài chính chưa được kiểm toán, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính dầu khí bằng 50,56% so với vốn điều lệ. Theo đó, khoản dự phòng phải trích lập cho khoản đầu tư dài hạn này là 12.360.015.655 VNĐ và lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính dầu khí do Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính dầu khí.

Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá các khoản đầu tư dài hạn còn lại khác không có dấu hiệu suy giảm trọng yếu tại ngày 31/12/2008.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu kỳ	105,004,882,108	75,677,818,881
Tăng thêm trong năm	25,588,436,641	34,792,103,454
Phân bổ vào chi phí trong năm	(12,060,417,148)	(5,165,436,158)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(118,520,000)	(299,604,069)
Số dư cuối kỳ	118,414,381,601	105,004,882,108

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85,965,114	1,349,808,348
Thuế thu nhập cá nhân	266,300,865	186,747,938
Thuế nhập khẩu	461,765,762	45,918,256
Các loại thuế khác	30,434,257	-
	844,465,998	1,582,474,542

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16,891,265,619	118,482,132,951
Khác	4,498,957,659	6,248,861,159
	21,390,223,278	124,730,994,110

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt nam bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền thu từ Cổ phần hóa phải trả	-	92,767,823,111
Lãi nộp chậm tiền thu Cổ phần hóa phải trả	2,785,979,991	9,874,648,342
Thặng dư vốn nhà nước phải trả	-	1,734,375,870
Lợi nhuận phải nộp từ 1/4/2006 đến 30/6/2007 và khác	14,105,285,628	14,105,285,628
	16,891,265,619	118,482,132,951

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản ký quỹ vỏ bình gas nhận được. Biến động về khoản tiền ký quỹ vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	44,449,820,104	42,115,277,922
Nhận ký cược vỏ bình gas trong năm	10,273,914,980	5,481,980,000
Kết chuyển vào doanh thu	(7,047,935,669)	(3,147,437,818)
Số dư cuối kỳ	47,675,799,415	44,449,820,104

17. VAY DÀI HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	150,000,000,000	150,000,000,000
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (ii)	93,000,000,000	-
	243,000,000,000	150,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư cho dự án Tổng kho khí hóa lỏng miền Bắc tại Đình Vũ, Hải Phòng và các dự án khác của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và không chịu lãi suất, có thời hạn 3 năm và đáo hạn vào ngày 6 tháng 4 năm 2010.
- (ii) Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với mục đích đầu tư cho dự án Tổng kho khí hóa lỏng miền Bắc tại Đình Vũ, Hải Phòng và xây dựng cơ sở vật chất của Công ty với thời hạn 3 năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 7,8%/năm, trong đó phí ủy thác quản lý vốn là 1%/năm và đáo hạn vào ngày 28 tháng 10 năm 2011.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong năm thứ hai	150,000,000,000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	93,000,000,000	150,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/7/2007	102,182,025,429	-	11,255,343,060	6,944,411,000	13,394,100,229	-	133,775,879,718
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	8,246,197,035	8,246,197,035
- Trích lập các quỹ	-	-	-	412,309,852	412,309,852	(2,315,739,429)	(1,491,119,725)
- Kết chuyển tăng vốn	34,552,350,441	-	(11,255,343,060)	(6,944,411,000)	(13,394,100,229)	-	2,958,496,152
- Vốn phải trả Tập đoàn	(1,734,375,870)	-	-	-	-	-	(1,734,375,870)
Tại ngày 31/12/2007	135,000,000,000	-	-	412,309,852	412,309,852	5,930,457,606	141,755,077,310
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7,805,425,962	7,805,425,962
- Phát hành cổ phiếu	131,170,000,000	19,717,180,000	-	-	-	-	150,887,180,000
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(184,554,756)	(184,554,756)
- Chi trả cổ tức 2007	-	-	-	-	-	(5,400,000,000)	(5,400,000,000)
- Giảm khác	-	(120,000)	-	-	-	(56,466,237)	(56,586,237)
Tại ngày 31/12/2008	266,170,000,000	19,717,060,000	-	412,309,852	412,309,852	8,094,862,575	294,806,542,279

Ngày 4 tháng 4 năm 2008, Hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc phân chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2007. Số cổ tức đã tạm chia cho các cổ đông là 5.400.000.000 VNĐ.

Công ty đăng ký và được phê duyệt theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 303/UBCK-GCN ngày 6 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp với số lượng 27.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần. Số cổ phần đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 26.617.000 cổ phần. Số cổ phần đã phát hành nhỏ hơn số cổ phần đăng ký là 383.000 cổ phần do một số cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮCLầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn điều lệ của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy phép kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2008		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2007	
	VNĐ	%	VNĐ	%	VNĐ	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam	196,306,310,000	72.71	196,306,310,000	73.75	99,144,000,000	73.44
Các cổ đông khác	73,693,690,000	27.29	69,863,690,000	26.25	35,856,000,000	26.56
	270,000,000,000	100	266,170,000,000	100	135,000,000,000	100

19. DOANH THU

	2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán gas công nghiệp	814,501,784,534	339,531,938,487
Doanh thu bán gas lẻ	468,948,661,797	216,653,276,937
Doanh thu từ ký quỹ vô bình gas	7,007,935,669	3,557,010,151
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	2,963,223,182	781,041,583
Doanh thu khác	644,097,693	-
	1,294,065,702,875	560,523,267,158

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24,684,063,412	8,757,716,467
Cổ tức được chia	21,983,400,000	4,950,000,000
Chênh lệch tỷ giá	792,238,207	426,537,212
Lãi bán hàng trả chậm	56,281,502	-
	47,515,983,121	14,134,253,679

Cổ tức được chia phản ánh khoản tạm ứng cổ tức năm 2008 và bổ sung cổ tức năm 2007 từ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp theo Quyết định 04/QĐ-HĐQT ngày 3 tháng 10 năm 2008 và Thông báo tạm ứng cổ tức số 593/KTA-TCKT ngày 16 tháng 12 năm 2008 với số tiền 21.294.900.000 VNĐ và khoản tạm ứng cổ tức năm 2008 từ Công ty Cổ phần Gas Đô thị theo Công văn số 10/KĐT-CVTCKT ngày 20 tháng 1 năm 2009 với số tiền 688.500.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7,805,425,962	8,246,197,035
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	17,596,816	13,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	444	611

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	966,267,623	1,835,004,310
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7,733,118,571	7,340,017,238
Sau năm năm	4,403,581,409	4,179,732,039
	13,102,967,603	13,354,753,587

23. CAM KẾT VỐN

Vốn đầu tư được phê duyệt cho dự án đầu tư xây dựng Tổng kho khí Miền bắc tại Khu Công nghiệp Đình Vũ, An Hải, Hải Phòng và Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung bộ tại Vũng Áng, Hà Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 308 tỷ VND.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2008	Từ 1/7/2007 đến 31/12/2007
	VND	VND
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Phát triển Gas Đô thị	2,637,644,515	-
Mua hàng và tài sản, dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam	893,930,597,174	417,798,488,487
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	62,891,788	498,346,303
Khác		
Nhận tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	93,000,000,000	-
Thanh toán cổ tức Tổng Công ty Khí Việt Nam	3,965,784,400	-
Cổ tức được phân chia - Công ty CP Phân phối khí thấp áp	21,294,900,000	4,950,000,000
Cổ tức được phân chia - Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị	688,500,000	-
Tiền thu từ cổ phần hóa đã nộp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	104,376,847,323	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN BẮC

Lầu 5, 6 Tòa nhà 59 Quang Trung
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	-	7,104,825,067
Công ty Phân phối khí thấp áp	9,900,000,000	4,950,000,000
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	35,175,000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị	2,331,285,762	-
Phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16,891,265,619	14,105,285,628
Tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	104,376,847,323
Tổng công ty Khí Việt Nam	172,440,951,431	255,925,376,328
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	62,891,788	231,751,496
Khác		
Vay dài hạn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	150,000,000,000
Vay dài hạn - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	93,000,000,000	-
Ủy thác đầu tư và tiền gửi - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	60,000,000,000	132,000,000,000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần kể từ ngày 1/7/2007, do vậy không có số liệu so sánh tương ứng của báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trình bày trên cột so sánh là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 1/7/2007 (ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2007 cho mục đích tham khảo.